TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-ST
Ngày: 27/9/2017.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kiều Oanh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Lâm.**

2. Bà **Sơn Thị Vành Đa**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thị Hồng Anh**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Mỹ D** (có mặt).

Địa chỉ: Số 196, ấp Phương Thạnh 1, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: - Ông **Nguyễn Thanh T** (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị M** (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 229, ấp Phương Thạnh 1, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D trình bày:

Ngày 13/6/2015 bà D có cho ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị M vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, bà M và ông T có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 424, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.170m^2, tọa lạc tại ấp Phương Thạnh 1, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, do Uỷ ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp vào ngày 12/4/2013 cho ông Nguyễn Thanh T đứng tên. Theo thỏa thuận ngày 13 hàng tháng ông T và bà M đóng lãi cho bà D. Trong quá trình cho vay ông T và bà M có đóng lãi được 04 lần là 4.800.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi bà D cần vốn báo cho phía ông T và bà M hay trước 02 tháng, nhưng bà D đã báo nhiều lần mà ông T và bà M không thực hiện theo thỏa thuận.

Nay bà Dương Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị M trả số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và trả lãi từ tháng 11/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 8 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M thừa nhận có vay tiền của bà D số tiền gốc 40.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, bà M và ông T đóng lãi được 04 lần, mỗi lần 1.200.000 đồng tổng cộng 4.800.000 đồng. Qua yêu cầu của bà D thì bà M đồng ý trả vốn là 40.000.000 đồng và yêu cầu bà D không tính lãi vì hiện nay kinh tế gia đình bà M gặp khó khăn, xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Nếu bà D không đồng ý thì bà M đồng ý giao phần đất mà hiện nay bà D đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc bà M vay tiền của bà D, bà D sử dụng đến khi nào bà M có tiền trả hết cho bà D thì bà M lấy phần đất lại.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mà bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được

và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Thanh T chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Thanh T đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà D về việc yêu cầu các bị đơn ông T và bà M trả số tiền vay là 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa bà M và ông T có quan hệ mẹ con ruột với nhau. Tại phiên tòa bà M thừa nhận bà và ông T có vay của bà D số tiền 40.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là có thật. Do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền vay.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của bà D về việc yêu cầu ông T và bà M phải thanh toán tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá

150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng" và tại thời điểm hai bên thỏa thuận tiền vay (ngày 13/6/2015) thì theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Như vậy, lãi suất vay thỏa thuận không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tức là không quá (9%/năm : 12 tháng) x 150% = 1,125%/tháng. Mặc dù, theo thỏa thuận ban đầu giữa các bên thì lãi suất vay là 3%/tháng, nhưng theo đơn khởi kiện của bà D chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật và yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với các quy định nêu trên.

Về thời gian tính lãi được tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi mà các bị đơn còn thiếu nguyên đơn cụ thể là:

Số tiền 40.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 22 tháng 14 ngày (từ ngày 13/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2017) = 10.110.000 đồng.

Tại phiên tòa bà D và bà M thống nhất là bà M và ông T đã đóng lãi cho bà D 04 tháng, mỗi tháng 1.200.000 đồng, nhưng bà Mỹ cũng không có yêu cầu xem xét phần lãi đã đóng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà M xin thanh toán cho bà D mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa do bà D không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc các bị đơn phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền vay gốc và lãi cho nguyên đơn.

[4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Thanh T, bà D hiện đang quản lý. Bà D phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thanh T người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (ông Nguyễn Thanh T đứng tên chủ sở hữu).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các bị đơn phải chịu là 2.505.500 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 471; Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D.

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D số tiền 50.110.000 đồng (trong đó tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 10.110.000 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

2. Buộc bà Dương Thị Mỹ D trả lại cho ông Nguyễn Thanh T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 593252 ngày 12/4/2013 ông Nguyễn Thanh T đứng tên chủ sở hữu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị M liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.505.500 đồng;

- Nguyên đơn bà Dương Thị Mỹ D không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng, theo biên lai số 0004413 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Thanh T thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy

ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đào Thị Kiều Oanh

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*